

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Gia	Hòa	3772020496	23/04/1995	5,30	,60	2,00	
2	Trần Duy	Thịnh	3772050015	12/01/1995	7,90	4,20	5,30	
3	Hoàng Ngọc	Đức	3772050017	01/10/1995	3,00	1,50	2,00	
4	Nguyễn Phan Minh	Quân	3772050067	20/08/1995	8,20	1,20	3,30	
5	Huỳnh Thanh	Tâm	3772050087	12/09/1995	8,40	3,90	5,30	
6	Quách Thuận	Cường	3772050091	19/11/1995	3,00	,50	1,30	
7	Trương Trường Vũ	Thủy	3772050120	03/02/1995	5,00	2,90	3,50	
8	Trần Phước	Quảng	3772050123	10/10/1994	2,20	,60	1,10	
9	Hoàng Văn	Vinh	3772050129	26/10/1994	5,70	,50	2,10	
10	Huỳnh Bảo	Long	3772050134	02/09/1995	5,80	2,70	3,60	
11	Phạm Tấn	Tín	3772050155	13/09/1994	3,30			
12	Nguyễn Hoàng	Minh	3772050172	25/08/1994	5,20	,90	2,20	
13	Hứa Ngọc	Bảo	3772050173	14/10/1995	5,60	1,10	2,50	
14	Phan Minh	Quốc	3772050179	19/02/1995	6,20	2,00	3,30	
15	Nguyễn Tùng	Lâm	3772050183	23/05/1995	6,00	,90	2,40	
16	Bùi Anh	Tôn	3772050251	19/07/1995	7,10	2,90	4,20	
17	Từ Anh	Phát	3772050263	04/09/1995	9,10	5,20	6,40	
18	Đỗ Văn	Phước	3772050274	12/04/1995	10,00	3,50	5,50	
19	Trần Thanh	Trà	3772050286	01/07/1995	5,70	1,50	2,80	
20	Nguyễn Thanh	Tùng	3772050305	02/02/1995	5,00			
21	Đào Hữu	Nghĩa	3772050308	24/04/1995	8,90	4,50	5,80	
22	Nguyễn Văn	Nhân	3772050315	06/05/1995	6,50	1,70	3,10	
23	Nguyễn Xuân	Mạnh	3772050326	10/07/1995	,00	1,00	,70	
24	Phạm Văn	Ân	3772050333	20/12/1993	6,00	2,10	3,30	
25	Nguyễn Duy	Hào	3772050334	02/02/1995	6,50	,80	2,50	
26	Lê Thành	Đạt	3772050337	07/12/1995	2,00	1,40	1,60	
27	Nông Thanh	Chuẩn	3772050345	10/11/1994	6,80	3,50	4,50	
28	Hứa Tấn	Anh	3772050349	25/06/1995	5,00	1,30	2,40	
29	Nguyễn Đức	Toàn	3772050363	07/12/1993	,00	,00	,00	CT
30	Trần Văn	Trọng	3772050392	07/02/1994	,00			
31	Mai Hoàng	Huy	3772050407	08/09/1995	2,00	1,60	1,70	
32	Lương Bửu	Lân	3772050415	09/03/1995	3,10	1,00	1,60	
33	Phạm Ngọc	Hoàng	3772050452	28/08/1994	2,80	,50	1,20	
34	Nguyễn Đăng	Bính	3772050489	28/08/1995	5,00	,90	2,10	
35	Nguyễn Hữu	Phúc	3772050539	12/05/1995	5,90	1,40	2,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Ngô Hồ Khắc	Hữu	3772050573	01/02/1995	6,50	1,70	3,10	
37	Đặng Minh	Trí	3772050597	11/10/1995	3,00	,40	1,20	
38	Phạm Xuân	Cảnh	3772050609	18/11/1995	4,50	,80	1,90	
39	Phạm Ngọc	Tân	3772050653	06/12/1995	4,10	,80	1,80	
40	Nguyễn Thanh	Tùng	3772050742	27/03/1994	3,60	,50	1,40	
41	Phạm Duy	Kính	3772050813	10/02/1994	3,20			
42	Nguyễn Công	Hậu	3772050814	18/03/1995	2,30	1,40	1,70	
43	Ngô Thành	Tiến	3772050818	22/09/1995	,00			
44	Nguyễn Trường	Đoàn	3772050828	01/10/1995	6,20	1,50	2,90	
45	Trần Thanh	Tùng	3772050852	27/11/1994	7,60	2,30	3,90	
46	Võ Hồng	Lâm	3772050926	20/01/1995	5,60	,90	2,30	
47	Nguyễn Hữu Anh	Trình	3772051261	29/10/1995	4,70	1,70	2,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)